

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST
Ngày 31-3-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Huân và ông Lò Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; Sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản BS, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Cà Văn U; Sinh năm 1984; Nơi cư trú: Bản BS, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 13, phân trại I, Trại giam YH, huyện P, tỉnh Sơn La.

(Chị T có mặt, anh U vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2021 và bản tự khai ngày 12/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Lò Thị T và anh Cà Văn U đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/05/2011. Chị T và anh U kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh U nghiện ma túy, anh U thường xuyên đánh đập chị T, vợ chồng không có tiếng nói

chung. Đến năm 2015 anh U bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trong thời gian anh U đi chấp hành án, chị T và anh U không còn quan tâm đến nhau, chị T xác định không còn tình cảm với anh U. Đồng thời để có thời gian chăm sóc các con vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 02 con chung là Cà Thị Hà V, sinh ngày 26/3/2011 và Cà Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 17/9/2014. Hiện tại cháu V và cháu Nh đang ở cùng với chị T ở bản BS, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vì anh U đang đi chấp hành án thời gian dài, không có khả năng nuôi con nên khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện TG đã ra công văn gửi Trại giam Yên Hạ nhờ giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh U, đồng thời hướng dẫn cho anh U viết tự khai và giao các tài liệu chứng cứ mà chị T đã giao nộp cho anh U tại trại giam nơi anh U đang chấp hành án.

Ngày 08/3/2021 Tòa án nhân dân huyện TG nhận được các kết quả của Trại giam YH thể hiện anh U đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Đồng thời anh U cũng giao cho Tòa án một bản tự khai ghi ý kiến của mình về các nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2021 mà anh U đã giao nộp cho Tòa án, bị đơn anh Cà Văn U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn U công nhận anh và chị T đăng ký kết hôn ngày 24/5/2011 tại UBND xã QT, huyện TG. Anh và chị T kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh U khai quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng anh U đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Anh U cũng thừa nhận, anh và chị T có 02 con chung là Cà Thị Hà V, sinh ngày 26/3/2011 và Cà Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 17/9/2014. Do anh U đang chấp hành án nên khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh U không đề cập đến.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đề nghị xin vắng mặt: Anh U đề nghị do hiện nay đang phải chấp hành án nên không thể tham gia phiên tòa được, anh U xin xét xử vắng mặt và xin vắng mặt trong tất cả quá trình giải quyết vụ án. Mọi ý kiến anh U vẫn giữ nguyên như đã trình bày trong bản tự khai và không có ý kiến gì bổ sung.

Ngày 09/3/2021, Tòa án xác minh thông tin của ông Cà Văn S (Trưởng bản BS, xã QT) và bà Lường Thị Ch (Chi hội phụ nữ bản) về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa chị T và anh U. Ông S, bà Ch đều cho biết: Anh U và chị T cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn do anh U nghiện ma túy và hiện tại đang phải đi chấp hành án 17 năm tù, từ khi anh U đi chấp hành án chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Chị T và anh U có 02 con chung là Cà Thị Hà V, sinh ngày 26/3/2011 và Cà Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 17/9/2014. Hiện các cháu đang ở cùng với chị T, chị T yêu thương các cháu và cho các cháu đi học đầy đủ. Chị T nghề nghiệp chính là làm ruộng, thu nhập từ chăn nuôi, trồng trọt và thỉnh thoảng có đi làm thuê. Ngoài ra ông S và bà Ch cũng không cho biết gì thêm.

Ngày 10/3/2021 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Do anh U đang đi chấp hành án nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà chỉ thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và làm thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật cho anh Cà Văn U. Chị T cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 15/3/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh U có đơn xin xét xử vắng mặt do đang phải chấp hành án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228/BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Cà Văn U.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện và không có ý kiến bổ sung. Anh U xin xét xử vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai, không có ý kiến nào khác gửi thêm cho Tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; *Về con chung:* Căn cứ Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung là Cà Thị Hà V, sinh ngày 26/3/2011 và Cà Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 17/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, anh U không phải cấp dưỡng nuôi các con chung; *Về quan hệ tài sản:* Chị T và anh U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Lò Thị T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Cà Văn U và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Cà Văn U có hộ khẩu thường trú tại bản BS, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Lò Thị T và anh Cà Văn U kết hôn năm 2011, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 31/3/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Chị T có mặt, anh U vắng mặt có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh U theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Cà Văn U kết hôn ngày 24/5/2011, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị T và anh U đều khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị T và anh U là hợp pháp. Chị T có đơn xin ly hôn với anh U do anh U nghiện ma túy, anh U thường xuyên đánh đập chị T, vợ chồng không có tiếng nói chung và hiện tại anh U đang đi chấp hành án phạt 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trong thời gian anh U đi chấp hành án chị T và anh U không còn quan tâm đến nhau, chị T xác định không còn tình cảm với anh U. Đồng thời để có thời gian chăm sóc các con vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U. Trong bản tự khai anh U giao nộp cho Tòa án, mặc dù anh U khai giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì, nhưng chị T xin ly hôn anh U cũng đồng ý. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 09/3/2021 chính quyền địa phương cũng thừa nhận anh U và chị T có mâu thuẫn do anh U nghiện ma túy và hiện tại đang phải chấp hành án phạt tù thời gian dài. Hội đồng xét xử xét thấy do anh U đang phải chấp hành án phạt tù, trong thời gian anh U chấp hành án, chị T cũng không thường xuyên đi lại thăm hỏi thăm anh U, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh U sau khi được Tòa án thông báo về việc chị T xin ly hôn với anh mặc dù anh U không đề cập đến nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của hai vợ chồng, nhưng do thời gian chấp hành án còn dài nên anh U nhất trí ly hôn. Chị T cũng có đơn đề nghị Tòa án

không tiến hành hòa giải vì chị T xác định không còn tình cảm với anh U, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh U. Do đó việc chị T xin ly hôn với anh U là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Cà Văn U.

[6]. Về con chung: Chị T và anh U đều thừa nhận có 02 con chung là Cà Thị Hà V, sinh ngày 26/3/2011 và Cà Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 17/9/2014. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Do anh U đang chấp hành án nên khi ly hôn anh U cũng nhất trí giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng nhưng vấn đề cấp dưỡng anh U không đề cập đến. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 09/3/2021 chính quyền địa phương cũng xác nhận hiện các con chung đang ở cùng với chị T, chị T yêu thương các cháu và cho các cháu đi học đầy đủ. Chị T nghề nghiệp chính là làm ruộng, thu nhập từ chăn nuôi, trồng trọt và thỉnh thoảng có đi làm thuê. Xét đề nghị của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến đề nghị của anh U, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và ý kiến của chính quyền địa phương. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu V và cháu Nh, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu V và cháu Nh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng, anh U cũng không có ý gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị T và anh U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị T là người dân tộc thiểu số cư trú tại Bản BS, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị T được miễn án phí DSST.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Lò Thị T được ly hôn với bị đơn anh Cà Văn U.

2. Về con chung: Giao hai cháu Cà Thị Hà V, sinh ngày 26/3/2011 và Cà Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 17/9/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cà Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Cà Văn U lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh U.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị T và anh U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2021). Anh Cà Văn U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã QT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

